TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Huỳnh Văn Minh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thúy N** sinh năm: 2001
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: anh **Lê Thanh P** sinh năm: 1991
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: chị và anh Lê Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh P thường xuyên ghen tuông kiếm chuyện cãi nhau với chị nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 hiện đang sống với anh P;

ly hôn chị đồng ý để anh P nuôi con chung, xin không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh P không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa chị N vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt), anh P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh P là phù hợp điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Nguyễn Thị Thúy N khởi kiện anh Lê Thanh P về việc xin ly hôn. Anh P cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Lê Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 11 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống theo chị N xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh P thường xuyên ghen tuông kiếm chuyện cãi nhau với chị nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Còn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N chứng tỏ anh P không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng. Mặt khác, chị N và anh P có thời gian dài không chung sống với nhau và anh chị cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm của mình thể hiện qua việc chị N kiên quyết xin ly hôn với anh P cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị N ly hôn với anh P là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị N và anh P có 01 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 hiện đang sống với anh P; ly hôn chị N đồng ý để anh P nuôi con chung. Anh P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu H đang sống với anh P đã ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu H nên giao cháu H cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: anh P vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Lê Thanh P.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 cho anh Lê Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Thúy N do anh Lê Thanh P không yêu cầu.

2.3 Chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh Lê Thanh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với chị N.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014843 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thúy N, anh Lê Thanh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N,
huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ